TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG ----------*---------- Bản án số: **195/**2020/HNGĐ-ST Ngày: 18/6/2020 V/v "Xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt.

2. Bà Huỳnh Thị Tỏ.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Ông Trịnh Thanh Dũ -** Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 469/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Đình C,** sinh năm 19xx (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Trương Thị M,** sinh năm 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại Đơn khởi kiện ngày 27/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Đình C trình bày:* Anh và chị M tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cải nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2019 đến đến nay, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê N, sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Hoàng B, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện cháu N và cháu B đang sống với chị

M. Ly hôn anh C yêu cầu giao cháu N và cháu B cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

***** Bị đơn chị Trương Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị M đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, anh C được ly hôn với chị M. Về con chung: Giao chị M tiếp tục nuôi hai con chung tên Lê N, sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Hoàng B, sinh ngày xx/xx/xxxx. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị M trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 13/6/2007 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 10/3/2020, anh C có Đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị M và anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh C yêu cầu được ly hôn với chị M do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cải nhau. Cho nên, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2019 đến nay, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Hiện nay, anh C không còn tình cảm vợ chồng với chị M. Hơn nữa, từ khi anh C xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị M không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ chị M muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh C và chị M có 02 con chung tên Lê N, sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Hoàng B, sinh ngày xx/xx/xxxx. Anh C yêu cầu giao cháu N và cháu B cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng anh C ly thân đến nay, cháu N và cháu B sống với chị M ổn định và chị M cũng không đến Tòa trình bày ý kiến về con chung. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu N cũng muốn sống với chị M (BL 25). Do đó, yêu cầu của anh C là có cơ sở, phù hợp với Điều

81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu N và cháu B cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến con đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với khoản 2 Điều 82, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đình C.

+ Anh Lê Đình C được ly hôn với chị Trương Thị M.

- Về con chung:

+ Giao chị M tiếp tục nuôi con chung tên Lê N, sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Hoàng B, sinh ngày xx/xx/xxxx. Ghi nhận anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* đến khi con đủ 18 tuổi lao động được.

+ Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu 600.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 47196 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, anh C còn phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An